

Bản án số: **112A/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 21-6-2024.

V/v: “Ly hôn và trả chấp về nuôi con”.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Kim A.
2. Bà Nguyễn Thị ThA Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Công Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1976; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Vĩnh C, sinh năm: 1970; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khối phố B, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị G trình bày: Tôi và ông Lê Vĩnh C kết hôn với nhau năm 1997 đến năm 2011 chúng tôi ly hôn. Năm 2012, tôi và ông C tổ chức đăng ký kết hôn lại tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; việc kết hôn là tự nguyện. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông C thường xuyên đánh đập tôi và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung gồm: Lê Nguyễn Lan P, sinh ngày: 22/3/1999 và Lê Nguyễn Lan A, sinh ngày: 03/7/2013. Hiện nay cháu P đã trưởng

thành, có khả năng lao động và đang làm việc tại Nhật Bản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, tôi nguyện vọng được nuôi cháu Lê Nguyễn Lan A và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – ông Lê Vĩnh C: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, ông C không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Lê Vĩnh C và giao cháu Lê Nguyễn Lan A cho bà G nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của ông Lê Vĩnh C tại Khố phố B, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; bà G yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà G và ông C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ThA Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn lại vào năm 2012, vợ chồng bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà G nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và ông C nhiều lần đánh đập bà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được nên bà yêu cầu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024, UBND phường Đ cung cấp: “Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vĩnh C”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bà G và ông C không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà G và ông C không thể hòa

giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống giữa bà G và ông C có 02 con chung tên Lê Nguyễn Lan P, sinh ngày: 22/3/1999 và Lê Nguyễn Lan A, sinh ngày: 03/7/2013. Hiện nay cháu P đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét. Bà G có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C đều vắng mặt nên không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay, cháu A đang do bà G trực tiếp nuôi dưỡng và cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu A, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu A cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà G không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Lê Vĩnh C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Lan A, sinh ngày: 03/7/2013 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Vĩnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0014142 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- UBNDp. T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Văn Thế

